

CÁC TỪ NGỮ CHỈ ĐỘNG VẬT TRONG CA KHÚC THIẾU NHI VIỆT NAM (TỪ 1945 ĐẾN NAY)

WORDS INDICATING ANIMALS IN SONGS FOR VIETNAMESE CHILDREN
(FROM 1945 TO NOW)

VŨ THỊ HƯƠNG

(ThS - NCS; Đại học Tân Trào)

Abstract: By creative and unique use of words indicating animals in songs for Vietnamese children, composers have brought to childhood special and different colors. Examining of those words can show significant values in naming of animals. In addition, it also shows human values through small lessons which the words of animals bring into. This crucially equips children to positively believe in the future.

Key words: children's song; feature; animals; word; vocabulary-meaning.

1. Mở đầu

1.1. Bài viết này nhằm chỉ ra những đặc điểm các từ ngữ chỉ động vật, thuộc trường từ vựng - ngữ nghĩa “động vật” trong ca khúc thiếu nhi Việt Nam từ 1945 đến nay.

Tư liệu khảo sát là Tuyển tập *Trẻ thơ hát* (do nhạc sĩ Cù Minh Nhật tuyển soạn, NXB Âm nhạc, 2010), gồm 80 ca khúc của nhiều tác giả khác nhau được xếp đặt theo từng chủ đề. Có thể kể đến một số ca khúc nổi tiếng được các em thiếu nhi (những người đang ở tuổi thích ca hát) khắp mọi miền và nhiều thế hệ yêu thích, có thể coi là “những bài ca mãi mãi còn xanh”: *Cá vàng bơi* (Hà Hải); *Chú voi con ở bản Đôn* (Phạm Tuyên); *Chú mèo con* (Nguyễn Đức Toàn); *Chú ếch con* (Phan Nhân); *Chim chích bông* (Văn Dung - Nguyễn Việt Bình); *Đi học* (Bùi Đình Thảo - Minh Chính); *Em yêu trường em* (Hoàng Vân); *Một con vịt* (Kim Duyên); *Rùa mặt như mèo* (Hàn Ngọc Bích); *Thật là hay* (Hoàng Lân); *Tạm biệt búp bê* (Hoàng Thống)...

1.2. Số từ ngữ chỉ động vật (ĐV) xuất hiện trong tập sách là: 63 từ ngữ, với tổng số 113 lần xuất hiện (xếp theo thứ tự từ cao đến thấp) như sau:

Chim (21 lần); *con mèo* (6 lần); *cá vàng* (4 lần); *mèo* (4 lần); *voi con* (4 lần); *con*

chim (3 lần); *sâu* (3 lần); *voi* (3 lần); *bướm xinh* (2 lần); *bầy chim xinh xinh* (2 lần); *cò con* (2 lần); *con cò* (2 lần); *con bướm* (2 lần); *con chim vành khuyên* (2 lần); *chú voi con* (2 lần); *chú ếch con* (2 lần); *chim bồ câu* (2 lần); *hai chú cún con* (2 lần); *anh chích choè* (1 lần); *bác chào mào* (1 lần); *bướm* (1 lần); *bướm bướm* (1 lần); *bầy chim* (1 lần); *cá* (1 lần); *con bướm bướm* (1 lần); *con chim nhỏ* (1 lần); *con chim non* (1 lần); *con chim rừng* (1 lần); *con chim trắng* (1 lần); *con ngựa* (1 lần); *con lợn éc* (1 lần); *con sư tử* (1 lần); *con vịt nâu* (1 lần); *cô sơn ca* (1 lần); *cún con* (1 lần); *chào mào* (1 lần); *chuột* (1 lần); *chị sáo nâu* (1 lần); *chích bông* (1 lần); *chim chích* (1 lần); *chim chích bông* (1 lần); *chim oanh* (1 lần); *chim hoà bình* (1 lần); *chim trắng* (1 lần); *chim rừng* (1 lần); *chú chích bông* (1 lần); *chú chim non* (1 lần); *chú chim ri* (1 lần); *chú mèo* (1 lần); *chú trê non* (1 lần); *cô cá rô ron* (1 lần); *cô cá rô phi* (1 lần); *ếch* (1 lần); *gấu mi-sa* (1 lần); *hai chú chim* (1 lần); *hoạ mi* (1 lần); *một con vịt* (1 lần); *mẹ cún con* (1 lần); *ngựa Gióng* (1 lần); *sơn ca* (1 lần); *thỏ trắng* (1 lần); *thuyền con vịt* (1 lần); *thuyền con rồng* (1 lần).

2. Đặc điểm về hình thức

Trong danh sách kể trên, có thể thấy gồm những đơn vị là từ hoặc cụm từ (ngữ). Cụ thể là:

Từ: Trong tổng số 63 từ, từ đơn 8 từ, số lượt sử dụng là 35/113 lượt, chiếm 31.0%, các từ này chủ yếu dùng để gọi tên các con vật như: *chim, bướm, cá, chuột, mèo, ếch, voi,...* Trong đó có một số loài xuất hiện với tần xuất cao: *chim* (21 lượt), *mèo* (4 lượt), *voi con* (4 lượt),... Từ ghép 13 từ, số lượt sử dụng là 18/113 lượt, chiếm 15.9%: *chích bông, hoa mi, cún con,...* Từ láy 2 từ với số lượt sử dụng là 2/113, chiếm 1.8%: *bướm, chèo mào.*

Cụm từ: có 40 cụm với 58/113 lượt sử dụng, chiếm 51.3%. Các cụm từ chỉ động vật trong các ca khúc thiếu nhi là các ngữ danh từ, với các kiểu kết hợp các thành tố như sau:

- Kiểu **D1 - D2** (trong đó, D1 là yếu tố chỉ loại sự vật; D2 là yếu tố chỉ tên gọi động vật, làm rõ hơn, hạn định đối với D1). Ví dụ: *con chim, con bướm, con cò, con ngựa,...*

- Kiểu **D1- D2 - D3** (D3 là yếu tố hạn định cho D2 hoặc cho cả D1 - D2). Ví dụ: *thuyền con vịt, thuyền con rồng, con chim vành khuyên, con chim rừng, mẹ cún con,...*

- Kiểu **D - T** (D là yếu tố chỉ sự vật; T là yếu tố chỉ tính chất, trạng thái, có vai trò hạn định, giải thích cho D):

Ví dụ: *cá vàng, thỏ trắng, chim trắng...*

- Kiểu **D1 - D2 - T** (T là yếu tố chỉ tính chất, trạng thái, có vai trò hạn định, giải thích cho D2 hoặc cho cả D1 - D2). Ví dụ: *con chim non, con chim nhỏ, con bướm xinh xinh, bầy chim xinh xinh, con lợn ếch, con vịt nâu,...*

Qua kết quả khảo sát về đặc điểm cấu tạo của từ ngữ chỉ động vật trong các ca khúc tiếng Việt, có thể có một số nhận xét chung:

- Tỷ lệ từ/ ngữ là: 23/40. Có thể nhận thấy, khi dùng từ ngữ để gọi tên động vật, người Việt đã có thể dùng từ hoặc ngữ, các đơn vị đều có chức danh chung là định danh. Nhưng ngữ thì thường cụ thể rõ ràng và hình

ảnh hơn do có thêm sự giải thích. Điều đó lý giải vì sao ngữ lại được sử dụng nhiều hơn trong các ca khúc thiếu nhi.

- Tỷ lệ từ đơn/từ ghép/từ láy là: 8/13 /2. Với yêu cầu hình dung thành từng cá thể thì từ đơn và từ ghép được sử dụng nhiều hơn trong tiếng Việt, để định danh động vật. Từ láy được sử dụng ít hơn, có thể do chúng thường mang đến hình dung thấy các động vật nhỏ tập trung thành bầy đàn gồm nhiều cá thể.

- Phần lớn các danh ngữ chỉ động vật trong các ca khúc thiếu nhi Việt Nam thuộc kiểu kết hợp **D1 - D2** và **D1 - D2 - D3**. Điều này có thể lý giải rằng, bên cạnh các từ đơn chỉ tên loài động vật, khi cần chỉ cụ thể hoặc cần hạn định đối tượng người ta dùng từ ghép hặc cụm danh từ. Chẳng hạn, để nói về loài nói chung thì người ta dùng từ *chim*, để nói xác định rõ hơn nữa dùng *chim vành khuyên*, để xác định cụ thể dùng *con chim*, hoặc *con chim vành khuyên,...*

Kiểu kết cấu **D - T, D1 - D2 - T** thực chất là cách định danh truyền thống trong tiếng Việt (một bộ phận sự vật được gọi tên kèm theo sự miêu tả về đặc điểm về màu sắc, kích thước hay đặc điểm), như: *cá vàng, thỏ trắng, chim trắng,...* Và để đầy đủ hơn cho việc chỉ tên các đối tượng người ta dùng *chú mèo con, bầy chim xinh xinh, con chim rừng,...*

Qua bảng thống kê và phân khảo sát, phân loại trên có thể rút ra nhận xét: từ ngữ chỉ động vật trong các ca khúc thiếu nhi Việt Nam có kết cấu đa dạng song vẫn tương đối tập trung ở dạng từ đơn, từ ghép hoặc cụm danh từ có kết cấu đơn giản. Nhờ vậy, các tên động vật trong ca khúc thiếu nhi đều giản dị, tự nhiên, gần gũi với trẻ em, với tiếng nói sinh hoạt đời thường.

3. Đặc điểm về ngữ nghĩa

3.1. Dựa vào lý thuyết của trường từ vựng - ngữ nghĩa, các tiêu trường được tập hợp bởi những từ có nét nghĩa đồng nhất. Các từ đã thống kê được đều có nét nghĩa chung chỉ

động vật. Khi phân lập chúng thành những tiểu trường thì phải dựa vào những nét nghĩa khác, nếu chúng đồng nhất với nhau thì tập hợp thành các tiểu trường. Tức là ngoài nét nghĩa chung, lớn nhất chỉ động vật, có thể dựa vào sự đồng nhất của những nét nghĩa nhỏ hơn để phân lập thành các tiểu trường, cũng trùng với cách phân loại thành các lớp động vật.

3.2. Các lớp động vật gồm:

(a) **Lớp chim:** Đây là loài động vật có xương sống, đẻ ra trứng, mình có lông vũ, đầu có mỏ cứng, không có răng, hai chi sau là chân, hai chi trước biến thành cánh, phần lớn đều biết bay. Đây là lớp động vật có số lượt xuất hiện nhiều nhất trong các ca khúc với 60/113 lượt, chủ yếu là được liệt kê dưới tên gọi: *chim chích, chim vành khuyên, chim oanh, chim bồ câu, chim rìng...* Bên cạnh đó, một số từ ngữ chỉ loài chim còn được gọi theo cách xưng hô trong quan hệ gia đình, họ hàng của người Việt, và vô hình trung được nhân cách hóa thành người: *anh chích chòe, chị sáo nâu, chú chim ri, bác chào mào...* Ngoài việc tả thực thì hình ảnh con chim trong các ca khúc còn mang tính biểu tượng cao. Khi nói tới loài vật này, các em đều có thể suy tưởng ngay tới hình ảnh những con chim đẹp đẽ, ngoan ngoãn, đáng yêu (*Con chim vành khuyên*) hay những chú chim non luôn liu lo cất cao giọng hát (*Con chim non, thật là hay, Vườn trường mùa thu*),...Đôi khi nó lại trở thành một người bạn nhỏ, một động lực lớn luôn thôi thúc, cổ vũ và chào đón các em mỗi khi đến trường. Có thể thấy điều đó qua rất nhiều ca khúc như: *"Bầy chim xinh xinh hót vang lùm cây xanh xanh. Chào đón chúng em mau bước chân nhanh tới trường"* (Bài ca đi học), *"Nâng vờ lên em đi mẫu giáo. Chim chuyên cánh hót chào chúng em"* (Em đi mẫu giáo), *"Con chim hót trên cành cây. Chào chúng em tới trường đây"* (Con chim hót trên cành cây). Ngoài ra, nó còn tượng trưng cho nền hoà bình của nhân loại "*Em*

nhu chim bồ câu tung cánh giữa trời. Em như chim bồ câu trắng bay giữa trời...như em đây là chim trắng chim hoà bình" (Em là chim bồ câu trắng). Hay còn được ví với hình ảnh cao cả, lớn lao của người cha luôn chấp cánh cho những ước mơ của con là cánh chim: *"Ba sẽ là cánh chim đưa con bay thật xa"* (Cho con),...

(b) **Lớp thú:** Đây là loài vật bốn chân sống ở rừng hoặc ở nhà: *mèo, voi, gấu, thỏ, chó, sư tử*. Đứng thứ hai sau lớp chim với 28/113 lượt chiếm 24.8%. Những con vật này, tượng trưng cho sức mạnh, khi đi vào trong các ca khúc tính biểu tượng ấy vẫn còn nhưng được các tác giả liên tưởng hết sức khéo léo. Ca khúc *Chú voi con ở bản Đôn* (Phạm Tuyên) là một ví dụ điển hình "*Chú voi con ở bản Đôn chưa có ngã nên còn trẻ con. Từ rừng già chú đến với người, vẫn ham ăn với lại ham chơi...Chú voi con thật là khôn, quen thiếu nhi khắp vùng bản Đôn...*". Cách gọi "*chú voi con*" là cách xưng hô thân mật trong quan hệ gia đình, giúp cho hình ảnh voi con trở nên gần gũi, thân thiết với con người đặc biệt là các em nhỏ. Người đọc bắt gặp ở đó một chú voi con ham ăn, mãi chơi nhưng lại rất thông minh, thân thiện và thích giúp đỡ mọi người.

(c) **Lớp côn trùng và thân mềm, gặm nhấm:** Đây là loại sâu bọ có cánh phủ phần nhiều màu thường bay lượn hút nhụy hoa như (*bướm*), hay đó là những loài côn trùng có hại cho môi trường nông nghiệp như (*sâu*) và loài gặm nhấm, tai nhỏ, đuôi dài hay phá hoại đích xác là (*chuột*). Các loại động vật này xuất hiện khá phong phú trong các ca khúc với 13/113 lượt, chiếm 11.5%. Các bạn nhỏ dễ bắt gặp hình ảnh con bướm xinh xắn, tươi vui, nở đùa tự do với cô cây hoa lá trong một số ca khúc: *"Đàn bướm phơi phới lướt trên cành hoa lung linh"* (Bài ca đi học), *"bướm tung tăng vui đùa theo gió"* (Vườn trường mùa thu), *"bướm xinh đùa trên cành hoa hồng"* (Mùa thu đến rồi),...

(d) **Lớp cá:** Đây là động vật có xương sống, ở nước, thở bằng mang, bơi bằng vây. Với 8/113 lượt chiếm 7.1% bao gồm các loài cá sống ở ao, sông, hồ và biển cả, như: cá vàng, cá rô phi, cá rô ron. Việt Nam là đất nước của hệ thống sông ngòi ao hồ dày đặc nên các cư dân của sông nước ấy đã trở nên vô cùng thân thiết, từ lâu đã trở thành nguồn thực phẩm quan trọng của người Việt. Vì vậy chúng đi vào đời sống người Việt với một hệ thống tên gọi vô cùng phong phú, đa dạng. Trong các ca khúc thiếu nhi hình ảnh cá vàng, chú trẻ non, cô cá rô phi, cá rô ron không còn xuất hiện với tư cách là nguồn thực phẩm nữa mà chúng như những chú bé, cô bé hồn nhiên vui đùa, múa ca và làm những công việc mà mình yêu thích “Hai vẩy xinh xinh cá vàng bơi trong bể nước. Ngồi lên lặn xuống cá vàng múa tung tăng... Cá vàng thấy bọ gây nên đuổi theo rất nhanh. Cá vàng bắt bọ gây cho nước thêm sạch trong” (Cá vàng bơi), “Bao nhiêu chú trẻ non cùng bao cô cá rô non. Tung tăng chiếc vẩy son nhíp theo tiếng ếch vang đôn...” (Chú ếch con),...

(e) **Lớp động vật lưỡng cư:** Đây là lớp động vật có xương sống, có bốn chân, sống cả trên cạn và dưới nước, da trần và có biến thái. Lớp này xuất hiện 3/113 lượt, chiếm 2.6% như: ếch. Loài động vật này chủ yếu sống hoang dã nhưng lại rất gần gũi với con người. Vì vậy, chúng trở thành biểu tượng trong rất nhiều các sáng tác nghệ thuật. Tiêu biểu như ca khúc *Chú ếch con* của Phan Nhân, tác giả đã đi từ việc miêu tả hình dáng bên ngoài “đôi mắt to tròn” tới tính cách bên trong “chú ếch con bé ngoan là ngoan nhất nhà” rồi đến năng khiếu, sở thích của chú ếch con. Các em thiếu nhi thấy được bóng dáng mình trong đó thông qua hình ảnh chú ếch con ngộ nghĩnh, đáng yêu trong ca khúc: “Chú ngồi học bài một mình...Chú học thuộc bài xong rồi chú hát thi cùng họạ mi...”

(f) **Động vật tương tượng:** Rồng là con vật tương tượng, mình rắn, có chân, tượng trưng cho uy quyền, một loài vật thần thoại chỉ xuất hiện trong truyện cổ phương Đông và phương Tây. Trong cả phương Tây lẫn phương Đông, hình ảnh loài rồng đều được miêu tả là một loài linh vật huyền thoại có sức mạnh phi thường, huyền bí. Trong bài *Em đi chơi thuyền*, hình ảnh “con rồng nó bay bay bay” lại trở nên bình dị biết bao, chỉ là một hình tượng trên chiếc thuyền trong công viên, nhưng giúp các em tưởng tượng và mơ ước mình “cưỡi rồng” bay lên trời,...

3.3. Như vậy, trong tư liệu khảo sát, lớp chim có số lượt từ ngữ xuất hiện cao nhất 60 lượt chiếm 53.1%. Tiếp đến là lớp thú 28 lượt (chiếm 24.8%), lớp côn trùng, gặm nhấm và động vật thân mềm với 13 lượt (11.5%), lớp cá 8 lượt (7.1%), lớp động vật lưỡng cư 3 lượt (2.6%), và cuối cùng là lớp động vật tương tượng 1 lượt (0.9%). Kết quả được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1. Tần số xuất hiện của các từ ngữ chỉ các lớp động vật

STT	Lớp động vật	Tần số xuất hiện
1	Lớp chim	60 (53.1%)
2	Lớp thú	28 (24.8%)
3	Lớp côn trùng, gặm nhấm và động vật thân mềm	13 (11.5%)
	Lớp cá	8 (7.1%)
5	Lớp động vật lưỡng cư	3 (2.6%)
6	Động vật tương tượng	1 (0.9%)
Tổng số		113 (100%)

4. Vai trò của việc sử dụng từ ngữ chỉ động vật trong các ca khúc thiếu nhi

4.1. Đối với giáo dục văn hoá, thế giới quan

Thế giới động vật rất sinh động, lại gần gũi, gần bó với con người. Vì vậy, các tên gọi của chúng đã đi vào đời sống ngôn ngữ

một cách tự nhiên, giúp cho nhận thức xung quanh ngày càng phong phú và sâu sắc.

Trong các ca khúc dành cho thiếu nhi, có thể thấy cả một thế giới các con vật ồn ào, đủ loại, nhiều hình khối màu sắc và đa dạng về tập tục, mang đến phần nào những hiểu biết cần thiết về hiện thực khách quan, về thế giới các loài vật sinh động. Qua các ca từ, các em được tiếp xúc với thế giới các loài vật: từ những vật nuôi trong nhà như lợn, gà, chó, mèo... đến những con vật hoang dã như: sư tử, gấu, sóc...; từ những động vật sống trên cạn như: chim, cò, bướm, ngựa... tới những động vật sống dưới nước như: cá, ốc... Những chi tiết dùng để miêu tả những loài vật này thường rất ngộ nghĩnh, tác động trực tiếp tới trẻ em theo cách trực quan sinh động. Ví như, khi nói về chú voi con, tác giả đã miêu tả loài vật này với hình dạng, tính cách đúng với thực tế trong một giọng điệu vui nhộn: vì chưa có ngà nên được coi là trẻ con, đầu gập gù, vòi vẫy vẫy, đứng dựa theo nhịp chiêng.... Có thể thấy, khi tiếp nhận các ca khúc, các em không chỉ nhận biết được hình dáng, màu sắc, âm thanh, tập tính của các loài động vật mà các em còn thấy được tác dụng và ý nghĩa mà chúng đem lại cho cuộc sống dựa trên sự liên tưởng hết sức phong phú. Quá trình liên tưởng thường dẫn tới nghĩa bóng, nghĩa chuyển thông qua một số phương thức như ẩn dụ, hoán dụ. Đây cũng là quá trình hình thành nghĩa biểu trưng của thành tố động vật. Nó phản ánh cách cảm nhận, cách đánh giá các sự vật, hiện tượng là tốt hay là xấu, liên quan đến việc gắn cho chúng những thuộc tính, những đặc điểm của con vật nào đó. Có thể nói nghĩa biểu trưng là một trong những nét nghĩa văn hoá đặc sắc của các từ ngữ chỉ động vật. Nó vừa mang tính chất đặc thù của mỗi một cộng đồng ngôn ngữ riêng biệt, vừa mang tính chất chung ở nhiều ngôn ngữ.

Ngoài việc cung cấp những hiểu biết về mặt thực tiễn và những bài học kinh nghiệm quý báu về cuộc sống. Những hình ảnh, hiện

tượng và sự việc ấy theo bước các em khi mỗi khi đến trường và còn theo về nhà.

4.2. Đối với giáo dục cách cư xử, nhân sinh quan

Những bài học giáo dục về đạo đức và lối sống thường gắn liền với thuộc tính của các con vật quen thuộc trong ca khúc. Các loài vật xuất hiện trong các ca khúc thiếu nhi còn giống như một người bạn tâm tình, tri kỉ với mỗi trẻ thơ. Cách giáo dục qua ca khúc chủ yếu là nêu gương tốt, ngợi ca, để lấy đó là tấm gương hay các em tự thấy hình ảnh mình hoặc bạn mình trong đó. Sự chê trách cũng có nhưng không nhiều, vì có thể điều đó làm kém vui. Không phải ngẫu nhiên mà trong các ca khúc thường chỉ gặp những con vật đáng yêu nét tốt: chim, mèo, cá vàng, voi,... ít gặp con bướm la cà hư thân, chú cò bị cầm vì không đội nón mũ,...

Viết cho thiếu nhi, chính vì vậy mà đối tượng của các ca khúc nói trên chính là các em nhỏ có độ tuổi từ Mاض giáo trở lên. Đây là đối tượng số một của giáo dục, vì các chủ nhân tương lai của đất nước này có nhận thức còn đơn giản, thường làm theo hoặc bắt chước theo người lớn. Các nhà nghiên cứu về tâm lí học đã ví các em như những tờ giấy trắng mà người lớn có thể vẽ lên đó đủ loại đường nét, khối, màu. Không nằm ngoài mục đích việc giáo dục cho các em ngay từ những năm tháng đầu đời đó, các ca khúc viết cho thiếu nhi đều chú trọng vào việc giáo dục các em, mang đến cho tâm hồn tuổi thơ tình yêu ông bà, cha mẹ, kính trọng thầy cô giáo, quý bạn bè, yêu quê hương đất nước, yêu cuộc sống, biết giữ gìn vệ sinh, chăm chỉ lao động và học tập,...

Tên gọi mỗi con vật (và kèm theo là hình ảnh của nó) thường gợi lên trong ý thức của người bản ngữ một sự liên tưởng nào đó, gắn liền với những đặc điểm, thuộc tính của con vật. Chính vì vậy mà những bài học được rút ra từ các loài vật này thường không giống nhau. Nhắc tới con chim là nói tới tươi vui, chăm chỉ. Lợn thì tham ăn, ngu ngốc, vòi thì

có sức khoẻ, bướm thì ham chơi hay la cà, sâu và chuột thì hay phá hoại mùa màng... Khi tiếp nhận nội dung văn bản các em sẽ phân biệt được tốt - xấu, đúng - sai trong mỗi một hoàn cảnh cụ thể. Ví dụ như trong bài *Mèo con rửa mặt* (Hàn Ngọc Bích), tác giả phản ánh sự lười biếng của mèo con trong việc rửa mặt dẫn đến bị đau mắt. Các em thấy được tính cách ấy là không tốt để từ đó rút ra bài học cho bản thân. thì biết giúp đỡ con người, ếch thì biết học bài,... Từ đó, hình thành cho mỗi trẻ em có ý thức trong học tập và lao động, biết giúp đỡ ông bà, cha mẹ những việc nhỏ trong gia đình. Các em còn học được cách cư xử lễ phép, biết chào hỏi những người lớn tuổi thông qua hình ảnh chú chim vành khuyên bé nhỏ lúc nào cũng lễ phép, ngoan ngoãn, gọi dạ, bảo vâng. Qua hình ảnh của hai chú cún con (chó), các em rút ra được bài học về tình đoàn kết,... Với chú voi con ở bản Đôn, các em còn thấy được sức mạnh của chú voi khi đã trưởng thành "*có đôi ngà to*" để góp sức xây dựng buôn làng đẹp tươi. Điều đó cũng giống như quá trình rèn luyện, tu dưỡng, phấn đấu của các em để mai này giúp ích cho nước nhà. Hay hình ảnh con ngựa là một trong những loài vật được con người thuần hoá và sử dụng trong đời sống hàng ngày và còn là loài vật gắn liền với chiến trận với các vị tướng danh nhân. Nhưng khi vận dụng hình ảnh loài vật này trong các ca khúc thiếu nhi thì lại mang những tính cách, những giá trị văn hoá riêng. Con ngựa trong ca khúc *Bổ là tất cả* (Thập Nhất - Đỗ Văn Khoái) vẫn khiến các em hình dung ra được hình dáng, đặc điểm của nó nhưng sự hình dung ấy được dựa trên sự liên tưởng cụ thể với sức mạnh và tình cảm của người bố dành cho con. Hình ảnh con ngựa Gióng trong ca khúc *Ông cháu* (Phong Nhã) lại gợi nhắc cho các em những chiến tích oanh hùng

trong lịch sử liên quan đến sự tích Thánh Gióng,...

Sau cùng, những hình ảnh con vật được thể hiện qua các từ ngữ chỉ động vật, thường được nhân hóa và rất đáng yêu, còn giúp cho trẻ thơ thêm yêu các loài vật, giàu trí tưởng tượng cũng như tinh thần nhân văn.

5. Kết luận

Ở trên là một số đặc điểm riêng biệt những từ ngữ chỉ động vật được dùng làm phương tiện biểu hiện trong các ca khúc dành cho thiếu nhi.

Có thể thấy, việc sử dụng các từ ngữ chỉ động vật này đã trở thành một nghệ thuật và rất độc đáo. Nó không chỉ giúp cho việc học tập từ ngữ mà còn mang tính giáo dục. Thông qua những hình ảnh con vật, các từ ngữ này giúp các ca sĩ tí hon được gặp gỡ, trò chuyện và nhìn ngắm, thậm chí đồng hành cùng các loài vật. Tóm lại, có thể thấy ở đó những giá trị nhân văn sâu sắc, những bài học giản dị mà bổ ích để làm hành trang sau này cho thiếu nhi, đồng thời kích thích trí tưởng tượng.

Những ca khúc cùng những lời ca ấy đã là món ăn tinh thần vui tươi, hồn nhiên đối với trẻ em. Nhưng không chỉ thế, mỗi lời ca được ngân lên còn đem đến sức lan toả mãnh liệt của các giá trị văn hoá. Có thể nghĩ rằng, các từ ngữ chỉ động vật đã mang đến cho ca khúc thiếu nhi một dáng vẻ riêng biệt trong số các loại ca khúc, và thường có vẻ của những khúc đồng dao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Việt Á (2005), *Ca từ trong âm nhạc Việt Nam*, Nxb Viện âm nhạc, H.
2. Lại Nguyên Ân (2003), *150 thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học Quốc gia, H.
3. Diệp Quang Ban (2005), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, H.
4. Đỗ Hữu Châu (1999), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, H.